

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH TÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 236/2021/DS-ST
Ngày: 21-12-2021
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Khanh.

Bà Trần Thị Kim Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Cương - Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân tham gia phiên tòa:
Ông Bạch Ngọc Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 328/2018/TLST– DS ngày 20 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 189/2021/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 118/2021/QĐST-DS ngày 24 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Địa chỉ: đường N, Phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Lưu Đức D, sinh năm 1990. Theo giấy ủy quyền số 001/2020/UQ-TTT ngày 20/6/2020.

- Bị đơn: ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1971.

Địa chỉ: đường P, phường H, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện nộp ngày 06/3/2018, bản tự khai và trong quá trình

giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (sau đây gọi tắt là S) do người đại diện theo ủy quyền là ông Lưu Đức D trình bày: Ngày 23/4/2012, ông Nguyễn Ngọc H có ký với S hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng), hạn mức tín dụng là 7.500.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Trong quá trình sử dụng thẻ, ông H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 16.800.000 đồng. Ông H đã thanh toán cho S tổng số tiền 16.743.532 đồng. Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

S đã nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông H vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 2 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng nên ngày 23/10/2014 S đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo Điều 23 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 21/12/2021), ông H còn nợ S các khoản sau: nợ gốc là 8.214.397 đồng, nợ lãi quá hạn là 20.593.173 đồng.

Để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của mình, S đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Ngọc H phải trả tổng số tiền còn nợ là 28.807.570 đồng. Yêu cầu ông H thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và tiếp tục thực hiện việc trả lãi phát sinh từ ngày 22/12/2021 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Ngọc H vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Kiểm sát viên - Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự như: thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp; tiến hành xác minh thu thập chứng cứ. Thời hạn chuẩn bị xét xử chưa đảm bảo. Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72, 234 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ

sơ vụ án thì thấy rằng các bên có xác lập giao dịch tín dụng theo đúng quy định pháp luật. Xét việc ông H chỉ thực hiện một phần nghĩa vụ với S là chưa thực hiện đúng các thỏa thuận giữa các bên, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của S. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần S và ông Nguyễn Ngọc H là tranh chấp hợp đồng tín dụng. Bị đơn ông Nguyễn Ngọc H có hộ khẩu thường trú tại quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bị đơn theo địa chỉ được ghi trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, bị đơn thay đổi địa chỉ nơi cư trú gắn với việc thực hiện nghĩa vụ mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú mới. Nên căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Ngân hàng Thương mại Cổ phần S là tổ chức tín dụng được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật các Tổ chức Tín dụng và các quy định khác của pháp luật và được phép cấp tín dụng tiêu dùng. Tại thời điểm ký hợp đồng, ông H đã cung cấp các giấy tờ tùy thân, ký tên vào hợp đồng từ đó thể hiện việc ký kết hợp đồng dựa trên cơ sở tự nguyện và người ký kết hợp đồng có đầy đủ năng lực hành vi dân sự. Do đó hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa các bên có hiệu lực.

[4] Căn cứ giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng do ông Nguyễn Ngọc H ký ngày 19/4/2012 đã được Ngân hàng Thương mại Cổ phần S phê duyệt, các tóm tắt sao kê, có cơ sở xác định S đã cấp cho ông H thẻ tín dụng số 512341-8573 với hạn mức là 7.500.000 đồng. Ông H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 16.800.000 đồng. Ông H đã thanh toán cho S tổng số tiền 16.743.532 đồng. Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của bản điều khoản và điều kiện

phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Do ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên S đã chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn và khởi kiện là có căn cứ theo thỏa thuận giữa hai bên và phù hợp với khoản 1 Điều 95 của Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010.

Bị đơn ông Nguyễn Ngọc H vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh số tiền đã trả, số tiền còn nợ S.

[5] Về yêu cầu trả nợ gốc: Xét ông Nguyễn Ngọc H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã được các bên thỏa thuận tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng. Do đó, S yêu cầu ông H có nghĩa vụ trả nợ gốc với số tiền 8.214.397 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về yêu cầu trả tiền lãi quá hạn: Số tiền lãi quá hạn S yêu cầu ông H trả được tính dựa vào sự thỏa thuận giữa các bên tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; thỏa thuận này phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010. Do đó, yêu cầu của S về việc buộc ông H có nghĩa vụ trả số tiền nợ lãi quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 21/12/2021) với số tiền 20.593.173 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Xét ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận, ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của S. Vì vậy, S yêu cầu Tòa án buộc ông H thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Xét yêu cầu của S về việc yêu cầu ông H tiếp tục chịu lãi phát sinh từ ngày 22/12/2021 trên số dư nợ gốc thực nợ theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng cho đến khi thanh toán hết nợ gốc. Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu này phù hợp với thỏa thuận của các bên được quy định tại bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ của Ngân hàng nên có cơ sở để chấp nhận.

[9] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[10] Về án phí:

- Ông Nguyễn Ngọc H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần S không phải chịu án phí và được trả lại tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 và 3 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ vào Điều 91, Điều 95 và Điều 98 Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010;

- Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Buộc ông Nguyễn Ngọc H trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền nợ gốc là 8.214.397 đồng (tám triệu hai trăm mười bốn nghìn ba trăm chín mươi bảy đồng), số tiền nợ lãi quá hạn là 20.593.173 (hai mươi triệu năm trăm chín mươi ba nghìn một trăm bảy mươi ba) đồng.

Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

2. Về án phí:

Ông Nguyễn Ngọc H phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 1.440.379 đồng (một triệu bốn trăm bốn mươi nghìn ba trăm bảy mươi chín đồng).

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 439.069 đồng (bốn trăm ba mươi chín nghìn không trăm sáu mươi chín đồng) theo biên lai thu số AA/2017/0043856 ngày 16/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đương sự thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Minh Tâm